TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 04-9-2018
Về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đàm Thế Dũng

2. Bà Hà Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QDST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ninh Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phùng Văn C, sinh năm 1979 - Công ty Luật TNHH M, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 1602A, Tòa nhà G II - HH1, lô A3, KĐT Hai bên đường L, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa);

2. Bị đơn: Ông Ma Văn T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

3. Người làm chứng:

- Ông Trương Minh S; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Hà Trung S1; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện L, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Diều Văn M, Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện L, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn Ninh Văn T trình bày: Ngày 29/8/2016 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B ông có cho ông T1 vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Khi cho vay hai bên có làm giấy tờ, trong giấy tờ vay không có thỏa thuận về lãi suất. Ban đầu không ghi thời hạn 01 (một) tháng, sau đó cùng thỏa thuận mới ghi thời hạn nên trong giấy vay tiền có 02 (hai) màu mực. Sau thời hạn 01 (một) tháng kể từ thời điểm vay, ông T1 không trả tiền ông theo như cam kết. Từ đó đến nay ông đã rất nhiều lần đề nghị ông T1 trả cho ông số tiền đã vay vào ngày 29/8/2016 nhưng ông T1 không thực hiện. Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông T1 phải trả cho ông số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và tính lãi theo lãi suất của ngân hàng nhà nước kể từ ngày 29/9/2016 đến ngày 10/5/2018. Tại phiên hòa giải ông T có yêu cầu nếu trong 07 ngày ông T1 thanh toán số tiền đã vay thì ông T sẽ không yêu cầu thanh toán phần tiền lãi.

Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với khoản tiền ông T1 đã vay.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Ma Văn T1 trình bày: Vào tháng 8/2016 ông có vay ông T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để trả lãi ngân hàng cho ông Trương Minh S và hẹn khi nào có tiền thì ông hoặc ông S sẽ thanh toán. Sau một tuần, ông chưa thanh toán tiền, ông T có viết giấy vay nợ và ông ký vào giấy. Khi ông ký giấy thì trong giấy vay tiền không ghi thời hạn vay là 01 (một) tháng, không tính lãi suất vì thời điểm đó không thỏa thuận về lãi hoặc thời hạn vay. Trước đó vào tháng 7/2016 ông và ông T có thành lập công ty Trách nhiệm hữu hạn Q có trụ sở tại xóm C, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đến ngày 14/11/2016 nhà máy gạch thu không đủ chi nên 05 (năm) người gồm: Ông Ninh Văn T, ông Ma Văn T1, ông Trương Minh S, ông Diều Văn M, ông Hà Trung S1 họp và quyết định nộp thêm mỗi người 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Ông S có xe ô tô biển kiểm soát 11C - 00257 công ty đã họp và quyết định mua lại xe ô tô này với giá 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) để công ty chở gạch. Số tiền ông vay T để trả lãi cho ông S được trừ vào tiền bán xe. Do vậy, ông S không phải nộp tiền mặt là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), ông S trả T số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) nên ông T cũng không phải nộp tiền mặt, ông T còn phải trả cho ông S số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Khi nhận được thông báo Thụ lý vụ án của Tòa án ông mới biết T làm đơn yêu cầu ông trả số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), ông thấy bất ngờ vì số tiền này ông S đã gạt nợ bằng việc bán xe ô tô cho công ty. Ông không đồng ý thanh toán số nợ này và không thanh toán phần tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật qua kiểm sát hồ sơ từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông Ninh Văn T yêu cầu giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Ma Văn T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 29/8/2016 có việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), có viết giấy vay tiền, khi vay không tính lãi suất. Đây là những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà các bên đương sự đều biết, thừa nhận và được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự những tình tiết này được thừa nhận là chứng cứ mà không phải chứng minh. Do đó, việc khởi kiện của ông T yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền đã vay là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch giữa ông Ninh Văn T và ông Ma Văn T1 được thực hiện vào ngày 29/8/2016 nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch này được thực hiện trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, do đó sẽ áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết, áp dụng.

[5] Về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc vay tiền giữa ông T1 và ông T là vay tiền giữa cá nhân với cá nhân không phải giữa cá nhân và pháp nhân. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã nộp, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Ninh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Ma Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) x 5% = 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng chẵn)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ninh Văn T. Buộc ông Ma Văn T1 phải thanh toán số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng nhà nước đối với số tiền bị đơn đã vay.

3. Về án phí: Ông Ma Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nộp công quỹ nhà nước.

Ông Ninh Văn T được trả lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao bằng theo biên lai thu số AB/2012/01094 ngày 15/3/2018.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Doanh Thị Mây